

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71 /2018/HSST

Ngày: 29-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Minh

Ông Trần Văn Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Minh Thắng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Khả - Kiểm sát viên;

Ngày 29 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 64/2017/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Lò Văn H1, Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1997, tại Điện Biên; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản N, Xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở: Bản N, Xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn M, sinh năm 1960 và con bà Tòng Thị Đ, sinh năm 1962; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Nhân thân: Bị cáo không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/10/2017 đến ngày 29/12/2017 bị cáo được Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn, bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Lầu A Đ, sinh ngày 08/10/2000.

Trú tại: Bản K, xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ly A D, sinh năm 1989.

Trú tại: Bản K, Xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Lầu A Đ: Bà Lê Thị D, Trợ

giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên.

- Người làm chứng:

1. Lò Văn H2, sinh năm 1999.

Trú tại: Bản N, Xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

2. Quàng Văn C, sinh năm 1998.

Trú tại: Bản N, Xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

3. Vi Văn P, sinh năm 1995.

Trú tại: Bản N, Xã N, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

4. Giàng A K, sinh năm 2002.

Trú tại: Bản H1, xã P, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

5. Vừ A S, sinh năm 2002.

Trú tại: Bản H2, Xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

6. Thào A N, sinh năm 2001.

Trú tại: Bản P, Xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Người đại diện hợp pháp của người làm chứng Giàng A K: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Trường phổ thông trung học M, Xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Người đại diện hợp pháp của người làm chứng Vừ A S: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Trường phổ thông trung học M, Xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Người đại diện hợp pháp cho người làm chứng Thào A N: Bà Nguyễn Tiểu P, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Trường phổ thông trung học M, Xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

(Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, người làm chứng Thào A N, người đại diện hợp pháp của người làm chứng Thào A N bà Nguyễn Tiểu P có mặt tại phiên tòa. Người làm chứng Lò Văn H, Quàng Văn C, Vi Văn P, Giàng A K, Vừ A S vắng mặt có lý do; Người đại diện hợp pháp của người làm chứng Giàng A K, Vừ A S vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 08/10/2017, khi Lò Văn H1 đang đi chơi ở đường thuộc Bản N1, Xã N, huyện Điện Biên, thì gặp Lò Văn H2, sinh năm 1999 và Quàng Văn C, sinh năm 1998 cùng trú tại Bản N1, Xã N, huyện Điện Biên, H1 đã rủ H2 và C cùng đi đến bản N2, Xã M chơi, sau đó H2 điều khiển xe mô tô BKS 27B1 – 34598 chở C và H1, khi cả ba đi đến đoạn đường bê tông trước khu vực dãy nhà trọ cho học sinh thuộc bản P1, Xã M, huyện Điện Biên, H1 bảo H2 dừng xe để H1

điều khiển xe mô tô, khi H2 dừng xe thì nhóm của H1 bị một người (không quen biết) trong nhóm khoảng 5 đến 6 người đang đứng trước cửa dãy phòng trọ chiếu ánh đèn pin vào mặt, H1 lúc này có hỏi xem ai chiếu đèn pin nhưng không ai trả lời, nên H1 đã điều khiển xe chở H2 và C tiếp tục đi lên khu vực cầu Na Khoang Xã M rồi dừng lại nói chuyện. Tại đây, nhóm của H1 gặp Vì Văn P, sinh năm 1996 ở cùng bản với H1 đang điều khiển xe mô tô đi chơi, H1 gọi P đứng lại nói chuyện một lúc sau đó cả nhóm rủ nhau cùng đi về. P điều khiển xe mô tô chở C đi trước còn H1 điều khiển xe mô tô chở H2 đi phía sau. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày khi Phúc điều khiển xe mô tô chở C cách dãy nhà trọ khoảng 30m, thì gặp Lò Văn N, sinh năm 1991, trú tại bản P2, Xã M đang đi trên đường, P đã dừng xe lại để nói chuyện, trong lúc P và C đứng nói chuyện với N thì H1 điều khiển xe mô tô chở H2 vượt qua và dừng xe ở lề đường bên phải, phía trước dãy nhà trọ, H1 bảo H2 đứng ở ngoài đợi, để H1 vào hỏi xem ai là người lúc này đã chiếu đèn pin, H2 đồng ý đứng đợi cạnh xe mô tô. H1 xuống xe đi vào khu vực phòng trọ, nhưng không thấy có ai ở ngoài sân nên H1 đã đi ra lề đường, nhặt một đoạn gậy gỗ, tròn, cứng, chắc, đường kính khoảng 3cm, dài khoảng 70cm cầm trên tay phải đi vào các phòng trọ, mục đích H1 cầm theo gậy để dọa người đã soi đèn pin vào mặt mình nếu tìm thấy và phòng khi bị ai đánh thì đánh trả. Khi H1 đi đến phòng trọ được đánh số 06 trên cửa, thấy cửa phòng mở, bật điện sáng, thì gặp Giàng A K, sinh năm 2002, đang đứng sử dụng điện thoại ở sân trước cửa phòng, H1 hỏi K có biết ai là người đã chiếu đèn pin lúc này không, K trả lời vừa đi chơi về nên không biết, lúc đó K nhìn thấy trên tay phải của H1 cầm một đoạn gậy gỗ tròn, cứng, chắc, đường kính khoảng 3cm, dài khoảng 70cm. Sau khi hỏi K, H1 đi đến cửa phòng trọ được đánh số 10 trên cửa, là khu vực phòng trọ lúc trước H1 thấy người chiếu ánh đèn pin đi vào, thấy trong phòng không bật điện H1 đã dùng tay gõ cửa và gọi mở cửa, mục đích để hỏi xem ai là người chiếu đèn pin vào mặt H1 lúc trước. Trong phòng số 10 lúc này có Lầu A Đ, sinh ngày 08/10/2000, trú tại Bản K, Xã M, huyện Điện Biên cùng Vừ A S, sinh năm 2002, trú tại bản H2, Xã M, huyện Điện Biên và Thào A N, sinh năm 2001, trú tại: Bản P, Xã M, huyện Điện Biên, đang nằm trên giường chuẩn bị đi ngủ, nghe thấy tiếng gõ và gọi cửa cả ba đều không trả lời. H1 gõ cửa gọi mở cửa một lúc thấy không có ai trả lời, H1 nghĩ không có ai ở trong phòng nên quay ra sân đứng cách phòng trọ số 10 khoảng 2m, lúc này H1 nghe thấy trong phòng có tiếng nói vọng ra, sau đó hai bên có lời qua, tiếng lại, do bức tức vì gõ cửa phòng nhiều lần mà không thấy có ai trả lời và không tìm thấy người đã soi đèn pin vào mặt mình lúc trước, nên H1 đã quay lại cửa phòng mục đích sẽ đánh người trong phòng ra mở cửa. Lúc này Đ, S và N đang nằm mở trên giường cùng dậy ra mở cửa để xem ai đã gõ cửa, Đ đi trước tiếp theo là S và N. H1 đứng ngoài nghe tiếng bước chân đi ra cửa nên đã lùi lại hai bước chân, tay phải cầm một đầu gậy gỗ để gậy xuôi theo người, một đầu gậy hướng xuống dưới đất, khi Lầu A Đ vừa mở hết cửa về phía bên phải, H1 vung gậy

lên nhằm về phía người Đ vút một phát theo hướng chéo từ trên xuống dưới, từ phải sang trái trúng vào mặt bên trái của Đ, làm Đ gục ngồi xuống giữa cửa phòng trọ. S và N đi sau chạy ra đỡ Đ thì thấy mồm Đ chảy máu. Sau đó H1 đứng trước cửa phòng trọ tay phải cầm gậy khua sang hai bên, đầu gậy chỉ vào phía các phòng trọ và nói: “Chúng mày cút hết vào phòng, cái gậy này không có mắt”. Khi H1 cầm gậy khua đi khua lại, S và N đứng ở cửa phòng trọ cách H1 khoảng 1,5m; Lò Văn H2 đứng ở lề đường cách H1 khoảng 11m, do lúc đó trời sáng trắng và có ánh điện sáng từ trong các phòng trọ và quán bán hàng gần đó chiếu ra, nên tất cả đều nhìn thấy rõ H1 cầm một chiếc gậy gỗ tròn, cứng, chắc, đường kính khoảng 3cm, dài khoảng 70cm.

Sau khi nói chuyện với N, Vì Văn P từ xa nhìn thấy H1 cầm gậy đánh người nên đã điều khiển xe mô tô chở C ra chỗ H2 thấy H1 đang cầm gậy dọa nạt mọi người nên đã đi vào giằng gậy trong tay H1 nhưng không được nên đã kéo H1 ra chỗ dựng xe máy, sau cả nhóm cùng nhau đi về P đèo C đi trước còn H1 cầm theo chiếc gậy gỗ lên xe H2 đèo đi sau, được một đoạn H1 vút chiếc gậy gỗ về phía lề đường bên phải theo hướng xe đi, Khi cả nhóm đến ngã ba Bản N, Xã N thì tất cả dừng xe lại và chia tay mỗi người tự đi về nhà mình.

Sau khi vụ việc xảy ra cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Điện Biên đã tiến hành khám nghiệm hiện trường; truy tìm đoạn gậy gỗ là vật chứng của vụ án, nhưng không thu giữ được. Giàng A K, Vừ A S, Thào A N, Lò Văn H, Quàng Văn C, Vì Văn P đều khẳng định nhìn thấy đoạn gậy gỗ Lò Văn H1 sử dụng để đánh Lầu A Đ có đặc điểm hình tròn cứng, chắc, đường kính 3cm, dài khoảng 70cm.

Lầu A Đ bị thương phải đi khám tại trạm y tế Xã M và khám tại Phòng khám đa khoa Thanh Hải vào ngày 09/10/2017, sau đó điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Điện Biên từ ngày 10/10/2017 đến ngày 19/10/2017 ra viện.

Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số 80TgT ngày 11/10/2017 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Điện Biên, kết luận: Trên cơ thể Lầu A Đ có nhiều vết xây xước da ở dái tai trái kích thước 2,8x1,4cm; Vết thương ở kẽ răng R4.2 và R4.3 kích thước 1cmx0,1cm; Bầm tím ở góc hàm trái kích thước 5cmx0,5cm; Sưng nề ở vùng góc hàm phải kích thước 3cmx2cm; Gãy xương hàm dưới bên phải và gãy góc xương hàm dưới bên trái; há miệng hạn chế. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây lên là 15%. Các dấu vết thương tích để lại trên thân thể Lầu A Đ là do tác động ngoại lực của vật tay gậy lên.

Tại bản cáo trạng số 07/QĐ-VKS-HS ngày 27/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên truy tố bị cáo Lò Văn H1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Nghị quyết

41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm d khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo từ 36 (ba mươi sáu) tháng tù đến 42 (bốn mươi hai) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận biên bản thỏa thuận giữa bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và bị cáo ngày 08/01/2018, bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho Lầu A Đ tổng số tiền là 31.173.000đ. Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn H1. Bị cáo H1 không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị cáo Lò Văn H1 không có lời bào chữa, hoàn toàn nhất trí với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát và không có ý kiến gì tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Bị hại Lầu A Đ, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa không có ý kiến gì tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Bị hại Lầu A Đ và người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận vào trong bản án về sự thỏa thuận việc bồi thường ngoài hợp đồng giữa bị cáo với bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại theo biên bản thỏa thuận ngày 08/01/2018, tổng là 31.173.000đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, Bà Lê Thị D có mặt tại phiên tòa đề nghị: Về trách nhiệm hình sự đồng ý với cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát. Cần áp dụng biện pháp nghiêm khắc đối với bị cáo H1 để nhằm răn đe phòng ngừa tội phạm. Tại phiên tòa H1 đã cố ý đẩy trách nhiệm sang cho người bị hại khi nói rằng việc mình đánh Đ là do Đ có câu nói thách thức đối với H1, H1 đã quanh co đổ lỗi cho người khác, nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo H1. Về trách nhiệm dân sự: Ngày 08/01/2018 giữa bị cáo H1 với bị hại và người đại diện của bị hại đã có biên bản thỏa thuận về việc bồi thường với số tiền là 31.173.000đ (ba mươi một triệu một trăm bảy mươi ba triệu đồng), sự thỏa thuận này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với nguyên tắc tự thỏa thuận được quy định tại khoản 2 Điều 3 Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử trên cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 584, 585, 590 Bộ luật dân sự năm 2015 để công nhận sự tự nguyện thỏa thuận này.

Viện kiểm sát không nhất trí với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại về việc đề nghị không áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Vì lý do tại phiên tòa bị cáo Lò Văn H1 đã khai rõ ràng hành vi phạm tội của mình, không quanh co đổ lỗi cho

người khác. Đại diện VKS vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và luận tội.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố và các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng huyện Điện Biên và những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng như: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng đã được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì, không khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật và được chấp nhận.

[2]. Hành vi của bị cáo được chứng minh như sau: Khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 08/10/2017, tại phòng trọ số 10 cho học sinh ở trọ thuộc bản P, Xã M, huyện Điện Biên, Lò Văn H1 vì lý do trước đó H1 bị một nhóm khoảng 5 đến 6 người đứng trước cửa dãy phòng trọ chiếu ánh đèn pin vào mặt, H1 không biết là ai, sẵn bực tức trong người, khi quay lại hỏi xem ai là người đã soi đèn pin vào mặt, H1 có gõ cửa phòng số 10 của Lầu A Đ nhưng không có ai trả lời và cũng không tìm ra người đã soi đèn pin vào mặt, khi Đ ra mở cửa H1 đã có hành vi dùng một đoạn gậy gỗ tròn cứng, chắc, đường kính 3cm, dài khoảng 70cm, là hung khí nguy hiểm vụt một phát vào vùng mặt phía bên trái của Lầu A Đ, gây tổn thương có thể do thương tích gây lên là 15%. Lời khai nhận tội của bị cáo đúng với nội dung bản cáo trạng, lời khai của người bị hại, người làm chứng. Hành vi của bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình đã gây ra. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực, với hành vi phạm tội “Cố ý gây thương tích” của bị cáo Lò Văn H1 đã truy tố bị cáo theo quy định tại Khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm

1999 có khung hình phạt tù từ 02 (hai) năm đến 07 (bảy) năm tù, nhưng theo quy định tại Điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 02 (hai) năm đến 06 (sáu) năm tù. So với Bộ luật hình sự năm 1999 thì mức hình phạt quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 là có lợi cho bị cáo. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc Hội để xét xử bị cáo về tội “cố ý gây thương tích” theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3]. Xét tính chất mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra thấy rằng: Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ và làm ảnh hưởng đến nền trật tự trị an, an toàn trong xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Hành vi của bị cáo là thực sự nguy hiểm cho xã hội nên cần được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm khắc trước pháp luật.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo sinh ra và lớn lên tại Điện Biên, bản thân học hết lớp 10/12 thì bỏ học ở nhà làm ruộng. Ngày 11/10/2017 bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Điện Biên bắt, khởi tố về tội “Cố ý gây thương tích”. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra bị cáo còn có bố đẻ là ông Lò Văn M được Chủ tịch nước tặng huân chương chiến công hạng ba vì đã có niên hạn và thành tích làm nhiệm vụ Quốc tế tại Nước Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội và là tội phạm nghiêm trọng vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng đối với bị cáo bằng hình phạt nghiêm khắc, để nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi bị hại Lầu A Đ phải đi khám và điều trị tại trạm y tế Xã M, tại phòng khám T vào ngày 09/10/2017, Điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Điện Biên từ ngày 10/10/2017 đến ngày 19/10/2017 ra viện, trước khi mở phiên tòa bị hại, người đại diện hợp pháp cho người bị hại và bị cáo đã thống nhất thỏa thuận bồi thường bằng biên bản thỏa thuận vào ngày 08/01/2018 cho bị hại các khoản tiền sau và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận sau đây:

- Tiền viện phí: 1.103.000đ.
- Tiền bồi dưỡng sức khỏe trong 11 ngày nằm viện điều trị là: 1.000.000đ.
- Tiền phục hồi sức khỏe sau khi ra viện là: 1.000.000đ;
- Tiền gạo theo chế độ 116: 520.000đ và 15kg gạo (100.000đ).
- Tiền thu nhập của Ly A D trong thời gian chăm sóc Lầu A Đ là 150.000đ/ 1 ngày x 11 ngày = 1.650.000đ.

- Tiền xăng xe đi lại của Ly A D: 6 lượt đi x 50.000đ/ lượt = 300.000đ.
- Tổn thất tinh thần cho bệnh nhân và tiền điều trị thẩm mỹ là 25.000.000đ.
- Tiền mua đồ dùng phục vụ bệnh nhân 500.000đ.

Tổng cộng số tiền bị cáo phải bồi thường là: 31.173.000đ. (Ba mươi một triệu, một trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Xét thấy sự thỏa thuận của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và bị cáo là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 584; 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự. HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận đó.

[7]. Về vật chứng vụ án: Đoạn gãy gỗ, tròn, cứng, chắc, đường kính khoảng 3cm, dài khoảng 70cm bị cáo sử dụng để gây thương tích cho Lò Văn H1 do bị cáo đã vút trên đường về nhà, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được, nhưng qua các lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng tại phiên tòa đã đủ cơ sở để kết luận, vì vậy Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không đặt vấn đề xử lý trong vụ án. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Quàng Văn C, Lò Văn H2, Vi Văn P là những người cùng đi với bị cáo Lò Văn H1 khi xảy ra vụ việc, nhưng trước và khi xảy ra vụ việc C, H2, P không bàn bạc thỏa thuận với bị cáo về việc tham gia gây thương tích cho Lò Văn H1, xét thấy không liên quan đến vụ án, nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Án phí: Trước khi mở phiên tòa bị cáo Lò Văn H1 và bị hại thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại và đề nghị Tòa án ghi nhận việc bồi thường thiệt hại vào trong bản án. Ngoài ra bị cáo Lò Văn H2 là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa bị cáo xin miễn án phí nên căn cứ vào Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15; Điểm f Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn H1. Bị cáo H1 không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn H1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”

- Xử phạt bị cáo Lò Văn H1 36 (ba mươi sáu) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi thi hành án hoặc bị bắt thi hành

án, bị cáo được khấu trừ 80 ngày tạm giam.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584; 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chấp nhận biên bản thỏa thuận giữa bị cáo Lò Văn H1 và bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo H1 phải bồi thường cho bị hại Lầu A Đ số tiền là **31.173.000đ (Ba mươi một triệu, một trăm bảy mươi ba nghìn đồng).**

Kể từ ngày bị hại Lầu A Đ, người đại diện hợp pháp của bị hại Lầu A Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền phải bồi thường, thì bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Vật chứng: Căn cứ Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Vật chứng là đoạn gậy gỗ, tròn, cứng, chắc, đường kính khoảng 3m, dài khoảng 70cm bị cáo sử dụng để gây thương tích cho Lò Văn H1 do bị cáo đã vút trên đường về nhà nên Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xử lý.

4. Án phí: Áp dụng Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15; Điểm f Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn H1. Bị cáo H1 không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Căn cứ điều 26 Luật thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/01/2018. /.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên
- VKSND huyện Điện Biên
- Công an huyện Điện Biên
- Nhà tạm giữ, tạm giam CA huyện Đ
- Trại giam

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan THA. HS Công an huyện Điện Biên
- Thi hành án Dân sự huyện Điện Biên
- Bị cáo
- Bị hại
- Người đại diện hợp pháp của bị hại
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại bà Lê Thị D
- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh Điện Biên
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- L- u hồ THA – HS
- Lưu hồ sơ vụ án
- L- u bộ phận.

Vũ Thị Thanh Thủy